TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175/**2024/HNGĐ-ST
Ngày 02/7/2024
"Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa Chị Phạm Như Q và Lê Văn X "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Kim Duyên.
2. Bà Trần Thị Vân Anh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm theo hình thức số hoá, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 93/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Như Q, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn Quang Thái 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh Lê Văn X, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Thôn Quang Thái 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Q có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; anh X vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Phạm Như Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Lê Văn X có quan hệ vợ chồng hợp pháp, anh chị tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 13/3/2015. Sau khi kết hôn chị và anh X chung sống tại thôn Quang Thái 2, xã T, huyện H. Vợ chồng chung sống hoà thuận, chỉ có những mâu thuẫn thông thường, nhưng đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được về việc làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi

vã và cũng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị không còn tình cảm với anh X, chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Lê Văn X.

Về con chung: Chị Phạm Như Q xác định, chị và anh Lê Văn X có 01 con chung, cháu Lê Văn B, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2016. Chị đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B sau khi vợ chồng ly hôn; chị không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Chị Phạm Như Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Lê Văn X không đến Toà án để làm việc, Toà án tiến hành xác minh, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

Kết quả xác minh tại thôn Quang Thái 2, xã T, huyện H đối với ông Nguyễn Thanh T, Trưởng thôn Quang Thái 2 thể hiện: Chị Phạm Như Q và anh Lê Văn X có quan hệ vợ chồng hợp pháp, anh X và Chị Q kết hôn từ năm 2015, Chị Q và anh X đều cư trú tại thôn Quang Thái 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Thôn không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của Chị Q và anh X nhưng từ năm 2019 có thấy anh chị hay mâu thuẫn, cãi vã; cùng năm 2019 Chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ Chị Q ở, không chung sống với anh X nữa, từ đó đến nay anh chị sống ly thân. Chị Q và anh X có 01 con chung là cháu Lê Văn B, sinh năm 2016; Chị Q và anh X không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Kết quả xác minh đối với ông Lê Văn T, là bố đẻ của anh Lê Văn X: Ông T xác định anh X và Chị Q kết hôn từ năm 2015, có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đi làm ăn xa, hàng tháng về nhà thăm con nên gia đình không biết cụ thể mâu thuẫn vợ chồng của Chị Q và anh X. Nhưng từ năm 2020 đến nay gia đình có nghe anh X nói vợ chồng không còn chung sống, cũng từ thời điểm đó Chị Q không về nhà chồng nữa, việc giải quyết ly hôn của anh X và Chị Q gia đình không có ý kiến gì. Chị Q và anh X có 01 con chung, cháu Lê Văn B, sinh năm 2016, cháu hiện đang ở với Chị Q nếu anh chị ly hôn Chị Q là người trực tiếp nuôi con là phù hợp. Chị Q và anh X không có tài sản chung, không có vay nợ chung. Gia đình có nhận được các văn bản Toà án gửi, có báo cho anh X nhưng do đi làm xa nên anh X không về được.

Cháu Lê Văn B trình bày ý kiến: Cháu hiện nay đang ở với mẹ ở nhà ông bà ngoại, cháu được đi học và chăm sóc. Nếu bố mẹ ly hôn không ở với nhau cháu muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm

bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Phạm Như Q được ly hôn với anh Lê Văn X. Giao cháu Lê Văn B, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2016, là con chung của Chị Q và anh X cho Chị Q trực tiếp nuôi dưỡng; anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị Q chưa yêu cầu; anh X có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Chị Phạm Như Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Văn X không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Phạm Như Q và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Như Q và anh Lê Văn X tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 13 tháng 3 năm 2015. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, từ năm 2019 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, thường xuyên cãi chửi nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, không có sự gắn kết, mâu thuẫn không thể hoà giải được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Quan hệ hôn nhân giữa Chị Q và anh X không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Như Q, xử cho Chị Q được ly hôn với anh Lê Văn X.

[2] Về con chung: Chị Phạm Như Q và anh Lê Văn X có 01 con chung, cháu Lê Văn B, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu B ở cùng Chị Q, do Chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc; cháu B được đi học và có điều kiện sống đảm bảo; cháu B có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ; Chị Q đề nghị sau khi giải quyết ly hôn chị sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, giao cháu Lê Văn B cho Chị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị Q chưa yêu cầu; anh X có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; sau khi ly hôn các đương sự có quyền đề

nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Phạm Như Q xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn X không đến Toà án để làm việc theo giấy báo gọi, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của Chị Q và anh X, cũng như đã niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh X không đến Toà án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ các quy định của pháp luật, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Toà án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt một bên đương sự theo quy định.

[5] Về án phí: Chị Phạm Như Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Q đã nộp. Anh Lê Văn X không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Như Q được ly hôn với anh Lê Văn X.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 13 tháng 3 năm 2015 cho chị Phạm Như Q và anh Lê Văn X không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn B, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2016 cho chị Phạm Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc. Anh Lê Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị Q chưa yêu cầu. Anh X có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Như Q phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000592 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nộp qua Cổng dịch vụ công Quốc gia ngày 15 tháng 4 năm 2024). Chị Q đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Văn X không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Như Q và anh Lê Văn X vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã T (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đàm Thị Kim Duyên - Trần Thị Vân Anh **Lương Thanh Huyền**